TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2019/DS-ST
Ngày 30 - 9 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Thắng
2. Ông Nguyễn Trường Hận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hường - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thảo Nguyên- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43A/2019/TLST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2019/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1974 (có mặt)
Địa chỉ: Khóm 7, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1969 (xin vắng mặt).
Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1962 (vắng mặt).
Cùng địa chỉ: Khóm 6A, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 15/02/2019 cùng các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Vào khoảng tháng 8/2018, bà Nguyễn Thị C có đến tiệm vàng của ông mua vàng, cầm đồ và tiền lãi tính đến nay, bà C còn nợ lại ông số tiền 32.200.000 đồng.

Vào ngày 24/10/2018, bà C cùng chồng là ông Nguyễn Thanh H có hỏi vay của ông số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 2.000.000 đồng/tháng, thời hạn vay là 02 tháng kể từ ngày vay. Để bảo đảm khoảng vay trên, bà C và ông H có thế chấp cho ông 01 giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, số đăng ký: CM-6009-TS, có làm hợp đồng vay tiền có thế chấp tài sản. Từ khi vay đến nay bà C và ông H không trả lãi và không trả nợ gốc cho ông. Ông đã nhiều lần yêu cầu

bà C và ông H trả số tiền trên nhưng bà C và ông H hứa hẹn nhiều lần mà vẫn không trả.

Ông L yêu cầu bà C và ông H có nghĩa vụ trả cho ông 50.000.000 đồng tiền gốc, lãi suất ông yêu cầu 04 tháng bằng 8.000.000 đồng và trả tiền mua vàng, cầm đồ và tiền lãi 32.200.000 đồng.

- *Tại biên bản làm việc ngày 20/5/2019, bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:* Bà thừa nhận có ký hợp đồng vay tiền có thế chấp tài sản, vay số tiền 50.000.000 đồng, có công chứng tại Phòng công chứng Lê Thành Hưng vào ngày 24/10/2018. Đối với khoản tiền nợ mua vàng, cầm đồ và tiền lãi là 32.200.000 đồng ông L yêu cầu bà không đồng ý. Lý do: Đó là số tiền lãi mà bà cầm cố nhà và đất cho ông L còn thiếu lại tiền lãi là 33.000.000 đồng. Ông L đưa thêm cho bà 17.000.000 đồng là đủ 50.000.000 đồng. Thì vợ chồng bà có làm hợp đồng vay tiền và có thế chấp tài sản với ông L vào ngày 24/10/2018. Đối với số lãi của hợp đồng vay 50.000.000 đồng, ông L yêu cầu 8.000.000 đồng bà C không đồng ý, do hiện nay gia đình bà gặp nhiều khó khăn cho bà xin không trả số tiền lãi. Bà đồng ý trả cho ông L 50.000.000 đồng tiền vốn theo hợp đồng vay tài sản ngày 24/10/2018.

Tại phiên tòa ông L rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền mua vàng, cầm đồ và tiền lãi 32.200.000 đồng. Ông L chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị Chàng, ông Nguyễn Thanh H trả số tiền vay 50.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi theo quy định pháp luật từ thời điểm vay cho đến nay. Đối với phần tài sản thế chấp là giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 180555 tên Nguyễn Thị Chàng ông yêu cầu tiếp tục duy trì để đảm bảo trả nợ cho ông.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời trình bày quan điểm về tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa từ khi thụ lý, đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự trong vụ án thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung: Tại phiên tòa ông L xin rút một phần yêu cầu 32.200.000 đồng là khoản tiền mua vàng, cầm đồ và tiền lãi. Ông yêu cầu bà C, ông H trả cho ông số tiền gốc đã vay 50.000.000 đồng, lãi suất ông yêu cầu tính theo quy định pháp luật từ thời điểm vay cho đến nay. Căn cứ theo hợp đồng vay tiền có thế chấp tài sản ngày 24/10/2018, có công chứng và tại biên bản làm việc với bà Nguyễn Thị C ngày 20/5/2019, bà C thừa nhận nên việc yêu cầu của ông L là có căn cứ nên Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc trả số nợ gốc 50.000.000 đồng. Lãi suất theo quy định pháp luật. Đối với tài sản thế chấp là giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 180555. Tiếp tục duy trì để đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về thời hiệu khởi kiện*: Căn cứ Hợp đồng đã ký giữa ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Thanh H vào ngày 24/10/2018 có công chứng. Bà C, ông H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn L 50.000.000

đồng nên đã xâm phạm đến quyền và lợi ích của ông L. Căn cứ Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện vẫn đảm bảo.

- *Về thẩm quyền*: Bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Thanh H có nơi cư trú tại khóm 6A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau; nội dung tranh chấp là hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Liên quan đến số tiền vay theo hợp đồng ngày 24/10/2018, mà bà C và ông H còn thiếu 50.000.000 đồng nên ông L khởi kiện yêu cầu bà C, ông H thanh toán số tiền đã cho vay trên. Như vậy, quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 429; Điều 463 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015;

- *Về tư cách đương sự*: Ông Nguyễn Văn L là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự ông L là nguyên đơn, bà C và ông H là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bà C có đơn xin xét xử vắng mặt; Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt bà C. Đối với ông H, Tòa án đã tống đạt (niêm yết) các thông báo, quyết định, giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 227; Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông H.

[2] *Về nội dung tranh chấp:* Theo ông L trình bày, vào ngày 24/10/2018, ông có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị C vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2.000.000 đồng/tháng, thời hạn vay 02 tháng có ký hợp đồng vay tiền có thế chấp tài sản với bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Thanh H, hợp đồng có công chứng. Từ khi vay đến nay phía bà C, ông H không có trả lãi và cũng không trả nợ gốc. Ông có đến nhà yêu cầu trả nhiều lần bà C, ông H hứa hẹn nhưng vẫn không trả.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Tại phiên tòa, ông L chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà C và ông H trả cho ông số tiền vay 50.000.000 đồng, lãi suất ông yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ khi vay cho đến nay. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình; trong giai đoạn xét xử ông L có cung cấp cho Tòa án Hợp đồng vay tiền có thế chấp tài sản vào ngày 24/10/2018, có công chứng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án có ghi nhận ý kiến của bà Nguyễn Thị C vào ngày 20/5/2019, thể hiện nội dung trình bày của bà C thừa nhận có vay của ông L, số tiền 50.000.000 đồng, bà đồng ý trả cho ông L. Bà xin không trả số tiền lãi 8.000.000 đồng.

Xét, giao dịch vay tiền giữa ông L với vợ chồng bà C theo hợp đồng đã ký ngày 24/10/2018 có công chứng và bà C thừa nhận tại biên bản ghi ý kiến ngày 20/5/2018 nên đây được xem là chứng cứ có thật, không cần phải chứng minh được quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp, cũng như lời thừa nhận của bà C là hợp lệ, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

Đối với số tiền 32.200.000 đồng ông L yêu cầu nay ông xin rút lại. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện; căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông L về việc yêu cầu bà C, ông H trả số tiền mua vàng, cầm đồ và tiền lãi 32.200.000 đồng.

Đối với phần tài sản thế chấp là giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số: 180555 cấp ngày 23/10/2018 tên Nguyễn Thị C. Theo thỏa thuận tại Điều 4 của hợp đồng và ông Nguyễn Văn L yêu cầu. Xét thấy yêu cầu của ông là phù hợp nêu Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất: Ông L yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật. Từ khi vay cho đến nay là 11 tháng (từ ngày 24/10/2018 đến ngày 24/9/2019). Lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 quy định lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay và không vượt quá 1,66%/tháng nên việc yêu cầu tính lãi theo quy định là có căn cứ được chấp nhận. Số tiền lãi được tính 50.000.000 đồng x 11 tháng x 1,66%/tháng= 9.167.000 đồng.

[4] *Về án phí*: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Thanh H phải chịu 5% án phí dân sự có giá ngạch với tổng số tiền buộc trả cho nguyên đơn; ông L được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 68; khoản 1 và khoản 4 Điều 91; Điều 92; khoản 3 Điều 144; Điều 147;, Điều 196; Điều 205; khoản 1 Điều 207; Điều 208; Điều 210; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218; khoản 1 Điều 220; khoản 2 Điều 244; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Điều 429; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Thanh H trả số tiền vay 50.000.000 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Thanh H trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền vay 50.000.000 đồng. Tiền lãi 9.167.000 đồng. Tổng cộng 59.167.000 đồng (*Năm mươi chín triệu, một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*).

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Thanh H không thi hành xong khoản tiền trên, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Thanh H còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Tiếp tục duy trì tài sản thế chấp là giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 180555 để đảm bảo thi hành án.

Đình chỉ một phần khởi kiện của ông Nguyễn Văn L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Thanh H trả tiền mua vàng, cầm đồ và tiền lãi, số tiền 32.200.000 đồng.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Thanh H phải nộp số tiền 2.958.350 đồng (*Hai triệu, chín trăm năm mươi tám nghìn, ba trăm năm mươi đồng*) chưa nộp; ông Nguyễn Văn L được nhận lại số tiền 2.255.000 đồng theo biên lai thu số 0002709 ngày 15/02/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

3. Án xử sơ thẩm công khai: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án này 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục thi hành án dân sự H. Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Chí Công